

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương giải quyết một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh Điện Biên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; Nghị định số 139/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương: số 1473/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2025 về việc công bố TTHC mới ban hành trong lĩnh vực khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương; số 1752/QĐ-BCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ và thủ tục hành chính được ban hành mới trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; số 1781/QĐ-BCT ngày 23 tháng 6 năm 2025 công bố thủ tục hành chính mới được ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương; số 1845/QĐ-BCT ngày 27 tháng 6 năm 2025 công bố thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương.

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 1797/TTr-SCT ngày 28 tháng 8 năm 2025 và Báo cáo số 1913/BC-SCT ngày 15 tháng 9 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại trên địa bàn tỉnh Điện Biên với nội dung như sau:

1. Tổng số Danh mục các thủ tục hành chính ủy quyền là 165 thủ tục hành chính. Trong đó:

- Lĩnh vực hoá chất: 09 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ: 07 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng: 12 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực chất lượng sản phẩm, hàng hoá: 04 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực khoáng sản: 04 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực an toàn vệ sinh lao động: 02 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực điện lực: 09 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực an toàn đập hồ chứa thủy điện: 03 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực xúc tiến thương mại: 01 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng: 01 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực kinh doanh khí: 15 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng: 07 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực lưu thông hàng hóa: 06 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực xuất nhập khẩu: 48 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực thương mại điện tử: 03 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực thương mại quốc tế: 21 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực an toàn thực phẩm: 08 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực giám định thương mại: 01 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực bán hàng đa cấp: 03 thủ tục hành chính.
- Lĩnh vực dầu khí: 01 thủ tục hành chính.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

2. Thời hạn ủy quyền kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết ngày 28 tháng 02 năm 2027; trừ trường hợp những nội dung ủy quyền có các quy định của pháp luật và văn bản khác của cấp có thẩm quyền quy định điều chỉnh, thay thế.

Điều 2. Giám đốc Sở Công Thương có trách nhiệm:

1. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật đối với các nội dung được ủy quyền.

3. Chủ động giải quyết hoặc tham mưu cho UBND tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc phát sinh (nếu có) trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện; tổng hợp báo cáo định kỳ hàng năm (trước ngày 31/12) về kết quả thực hiện Quyết định này

và báo cáo đột xuất khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và bãi bỏ Quyết định số 795/QĐ-UBND ngày 23/4/2025 về việc ủy quyền cấp Giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Điện Biên.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KT. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Thành Đô

DANH MỤC CHI TIẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH ĐIỆN BIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2110 QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
I	Lĩnh vực hoá chất		
1	1.002758.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất	Quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Hóa chất; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	2.000431.H18	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Quy định tại Điều 18 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	1.012429.H18	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Quy định tại Điều 18 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
4	1.012430.H18	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Quy định tại Điều 18 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
5	1.012431.H18	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1	Quy định tại Điều 18 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
6	2.000257.H18	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
7	1.012432.H18	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
8	1.012440.H18	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
9	1.012434.H18	Gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3	Quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
II	Lĩnh vực vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ		
1	2.001434.000.00.00.H18	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn	Quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 38/2025/TT-BCT) của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
2	2.001433.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn	Quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 38/2025/TT-BCT) của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
3	1.013058.000.00.00.H18	Điều chỉnh Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn	Quy định tại điểm a khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 38/2025/TT-BCT) của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
4	1.000998.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 38/2025/TT-BCT) của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
5	1.000965.000.00.00.H18	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ	Quy định tại điểm b khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT (được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 38/2025/TT-BCT) của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
6	2.000229.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
7	2.000210.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
III	Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng		
1	1.001271.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
2	2.000618.H18	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
3	2.000613.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
4	1.000878.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
5	2.000401.H18	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
6	2.000251.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
7	1.001292.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
8	2.000628.H18	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
9	2.000624.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
10	2.000604.H18	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
11	2.001665.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
12	2.001675.H18	Cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
IV	Lĩnh vực Chất lượng sản phẩm hàng hoá		

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
1	1.013989.H18	Cấp thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
2	1.013990.H18	Cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
3	2.000147.H18	Cấp Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	Quy định tại Điều 18c, Điều 18đ, 18e , khoản 3 Điều 18 Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ; Quy định tại Điều 8 Thông tư số 36/2019/TT-BCT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ
4	2.000046.000.00.00.H18	Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy các sản phẩm, hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia	Quy định tại Khoản 4 Điều 17 Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ; Điều 11, Điều 12 Thông tư số 36/2019/TT-BCT của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
V	Lĩnh vực khoáng sản		
1	1.014125.000.00.00.H18	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Quy định tại Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT BCT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
2	1.014126.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Quy định tại khoản 7 Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	1.014127.000.00.00.H18	Thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
4	1.013651.000.00.00.H18	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò	Quy định Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
VI	Lĩnh vực An toàn vệ sinh lao động		
1	2.000140.H18	Cấp chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý ngành	Quy định tại Điều 12, Điều 13, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	2.000.066	Cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý ngành	Quy định tại Điều 12, Điều 13, khoản 4 Điều 42 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
VII	Lĩnh vực điện lực		
1	1.013401.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động phát điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
2	1.013411.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	1.013412.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
4	1.013416.000.00.00.H18	Cấp giấy phép hoạt động bán lẻ điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
5	1.013417.000.00.00.H18	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trừ trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng)	Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
6	1.013418.000.00.00.H18	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
7	1.013419.000.00.00.H18	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
8	1.013421.000.00.00.H18	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
9	1.013420.000.00.00.H18	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
VIII	Lĩnh vực an toàn đập hồ chứa thủy điện		
1	2.001322.000.00.00.H18	Phê duyệt quy trình vận hành hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại Điều 33 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	2.001300.000.00.00.H18	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại Điều 34 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	1.013399.000.00.00.H18	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Quy định tại Điều 35 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
IX	Lĩnh vực xúc tiến thương mại		
1	2.000026.H18	Đăng ký tổ chức Hội chợ, Triển lãm thương mại tại nước ngoài	Quy định tại điểm b khoản 2 Điều 29 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP của Chính Phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
X	Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng		
1	2.000191.000.00.00.H18	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung	Quy định tại khoản 1 Điều 7 của Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XI	Lĩnh vực kinh doanh khí		
1	2.001424.H18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	1.000491.H18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	1.000510.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
4	1.005184.H18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
5	1.000649.H18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
6	1.005372.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LNG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
7	1.000706.H18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
8	2.000146.H18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
9	1.000387.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu CNG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
10	1.000475.H18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sửa chữa chai LPG	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
11	1.000455.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
12	1.000742.H18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
13	2.000304.H18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Khoản 1, Điều 44 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
14	1.000709.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
15	1.000704.H18	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Điều 45 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XII	Lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng		
1	1.000667.H18	Nhập khẩu máy móc thiết bị chuyên ngành thuốc lá	Khoản 2 Điều 34 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	2.000209.H18	Nhập khẩu thuốc lá nhằm mục đích phi thương mại	Quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
3	1.000172.H18	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá, giấy cuốn điếu thuốc lá để sản xuất sản phẩm thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công xuất khẩu sản phẩm thuốc lá	Quy định tại điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
4	1.000949.H18	Chấp thuận nhập khẩu nguyên liệu thuốc lá để chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu hoặc gia công chế biến nguyên liệu thuốc lá xuất khẩu	Quy định tại điểm d khoản 2 Điều 36 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
5	1.004021.H18	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên	Quy định tại Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
6	1.004007.H18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên	Quy định tại Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
7	1.003992.H18	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên	Quy định tại Điều 27 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XIII Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa			
1	1.001338.H18	Cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
2	1.001323.H18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	2.000598.H18	Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá	Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
4	1.003977.H18	Cấp Giấy phép phân phối rượu	điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
5	1.005376.H18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu	điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
6	1.003101.H18	Cấp lại Giấy phép phân phối rượu	điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XIV Lĩnh vực xuất nhập khẩu			
1	1.000477.H18	Cấp phép quá cảnh đối với hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh	Quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
2	1.013778.H18	Cho phép gia hạn thời gian quá cảnh đối với hàng hóa quá cảnh	Quy định tại khoản 2 Điều 44 Luật Quản lý ngoại thương theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý ngoại thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	1.014.119	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VI	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
4	1.000.665	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu D	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
5	1.000.695	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu E	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
6	1.000.603	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AK	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
7	1.000.432	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AJ	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
8	2.000.303	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AI	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
9	1.000.694	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu AANZ	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
10	1.000.676	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu S	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
11	2.000.260	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu X	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
12	1.000.686	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VJ	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
13	1.000.664	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VC	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
14	1.000.431	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu VK	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
15	1.000.382	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu EAV	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
16	1.000.490	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi Mẫu A	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
17	1.000.450	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) không ưu đãi Mẫu B	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
18	1.000.430	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu DA59 (cho hàng hoá xuất khẩu đi Châu Phi)	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
19	1.000.398	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu ICO (cho hàng cà phê xuất khẩu)	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
20	10.034.777	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Peru	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
21	1.003.400	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Thổ Nhĩ Kỳ	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
22	1.002.960	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu Venezuela	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
23	1.001.298	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hoá gửi kho ngoại quan đến các nước thành viên theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
24	1.001.370	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cho hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu từ doanh nghiệp chế xuất, kho ngoại quan, khu phi thuế quan và các khu vực hải quan riêng khác có quan hệ xuất nhập khẩu với nội địa	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
25	1.001.380	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) cấp sau	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
26	1.001.383	Cấp lại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O)	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
27	1.003.522	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) giáp lưng	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
28	2.001.372	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu CPTPP	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
29	1.007.968	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu AHK	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
30	1.008.361	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu VN-CU	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
31	1.008.667	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu EUR.	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
32	1.010.056	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu EUR.1 trong UKVFTA	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
33	1.010.762	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) ưu đãi mẫu RCEP	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
34	1.001.274	Cấp Giấy chứng nhận không thay đổi xuất xứ (CNM)	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
35	1.013.642	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu GSTP	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
36	1.013.643	Cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O) mẫu BR9	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
37	1.000.366	Cấp Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong ASEAN	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
38	1.008.882	Cấp sửa đổi, bổ sung Văn bản chấp thuận tự chứng nhận xuất xứ hàng hoá trong ASEAN	Quy định tại Điều 34 Luật Quản lý ngoại thương năm 2017; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
39	1.001062.H18	Cấp Giấy phép kinh doanh tạm nhập tái xuất	Quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
40	1.000957.H18	Cấp Giấy phép tạm nhập tái xuất theo hình thức khác	Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
41	1.000905.H18	Cấp Giấy phép tạm xuất, tái nhập	Quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 3 Điều 17 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
42	1.000890.H18	Cấp Giấy phép kinh doanh chuyển khẩu	Quy định tại điểm a khoản 1 Điều 18 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
43	2.001758.H18	Cấp, thu hồi, đình chỉ tạm thời hiệu lực Mã số kinh doanh tạm nhập, tái xuất	Quy định tại khoản 1 Điều 26, khoản 1, khoản 2 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
44	1.000477.H18	Cấp Giấy phép quá cảnh đối với hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu; hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; hàng hóa cấm kinh doanh	Quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
45	1.013779.H18	Cấp Giấy phép cho thương nhân được ký hợp đồng đại lý mua, bán hàng hóa xuất khẩu	Quy định tại khoản 1 Điều 50 Nghị định 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
46	1.001419.H18	Cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm thuốc lá để kinh doanh hàng miễn thuế	Quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 100/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
47	1.000400.H18	Cấp chứng thư xuất khẩu cho hàng dệt may sang Mê-hi-co	Quy định tại Điều 7, Thông tư 07/2019/TT-BCT và Điều 24, Thông tư số 38/2025/TT/BCT của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
48	1.000264.H18	Đăng ký Giấy chứng nhận hạn ngạch thuế quan xuất khẩu mật ong tự nhiên sang Nhật Bản	Quy định tại Điều 3, Thông tư 28/2009/TT-BCT và Điều 25, Thông tư số 38/2025/TT/BCT của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XV	Lĩnh vực thương mại điện tử		
1	2.000243.H18	Tiếp nhận thủ tục thông báo website thương mại điện tử bán lẻ	Quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	1.003390.H18	Tiếp nhận thủ tục thông báo ứng dụng thương mại điện tử bán hàng	Quy định tại khoản 3 Điều 25 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	1.000880.H18	Đăng ký hoạt động đánh giá tín nhiệm website thương mại điện tử	Quy định tại Điều 60 Nghị định số 52/2013/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XVI	Lĩnh vực Thương mại quốc tế		

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
1	1.000376.H18	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	1.000361.H18	Cấp lại Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	2.000129.H18	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
4	1.000358.H18	Gia hạn Giấy phép thành lập Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
5	1.000168.H18	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Quy định tại Điều 6 Nghị định số 07/2016/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
6	2.000255.000.00.00.H18	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hoá	Quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
7	2.000370.000.00.00.H18	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hoá là dầu, mỡ bôi trơn	Quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
8	2.000362.000.00.00.H18	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hoá là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
9	2.000351.000.00.00.H18	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP	Quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
10	2.000340.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
11	2.000330.000.00.00.H18	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
12	2.000272.000.00.00.H18	Cấp giấy phép kinh doanh đồng thời với giấy phép lập cơ sở bán lẻ được quy định tại Điều 20 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
13	2.000361.000.00.00.H18	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
14	1.000774.000.00.00.H18	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
15	2.000339.000.00.00.H18	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
16	2.000334.000.00.00.H18	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m ²	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
17	2.000322.000.00.00.H18	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
18	2.002166.000.00.00.H18	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
19	2.000665.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
20	1.001441.000.00.00.H18	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
21	2.000662.000.00.00.H18	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Quy định tại khoản 3 Điều 8, Điều 10, Điều 25 và khoản 2 Điều 38 Nghị định số 09/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XVII	Lĩnh vực An toàn thực phẩm		
1	2.001293.H18	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Quy định tại khoản 6 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	2.000535.000.00.00.H18	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh thực phẩm	Quy định tại khoản 6 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	2.001682.H18	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
4	1.003951.H18	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
5	2.001660.H18	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	Khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
6	1.003860.H18	Đăng ký chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
7	2.001595.H18	Đăng ký gia hạn chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
8	1.003929.H18	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định Cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về an toàn thực phẩm	Khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XVIII	Lĩnh vực Giám định thương mại		
1	1.005190.000.00.00.H18	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại	Quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 01/2015/TT-BCT và Điều 11, chương VIII, Thông tư số 38/2025/TT/BCT của Bộ Công Thương; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XIX	Lĩnh vực bán hàng đa cấp		

STT	Mã TTHC	Nhiệm vụ uỷ quyền	Ghi chú
1	2.001573.H18	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp	Quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
2	1.003705.H18	Công nhận chương trình đào tạo kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp	Quy định tại khoản 2 Điều 35 và khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 36 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
3	2.000324.H18	Xác nhận kiến thức pháp luật về bán hàng đa cấp, kiến thức cho đầu mối tại địa phương	Quy định tại Điều 38 và Điều 39 Nghị định số 40/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương
XX	Lĩnh vực dầu khí		
1	1013987	Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn thuộc thẩm quyền của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Khoản 3 Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025; Nghị định 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Sửa đổi, bổ sung một số quy định về phân cấp thực hiện thủ tục hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương